

## VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1477/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung các lĩnh vực Công chứng; Quản tài viên; Luật sư; Tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa

và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2030/TTr-STP ngày 03 tháng 3 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **30** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung các lĩnh vực Công chứng; Quản tài viên; Luật sư; Tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (Đính kèm 04 Phụ lục).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Công Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự B.10, B.16 tại danh mục ban hành kèm Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thứ tự A1, A2, A3, B1, B2 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thứ tự A1, B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B11, B12, B13, B14, B15, B16, B17, B18, B19, B20 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thứ tự 1, 2, 3, 5, 6 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3402/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

| TT | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|---|-------------------|--|---|
| 1  | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <sup>1</sup> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | 3.500.000 đồng/hồ sơ (Áp dụng mức phí 1.750.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC) | - Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng, phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC;<br>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định |

<sup>1</sup> Thời gian cắt giảm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt phương án cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|-------------------|---|---|
|    |   |   |   |                   |   | <p>mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Quyết định số 160/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>  |
| 2  | <p>Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng</p> | <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;</p> <p>trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br/>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | Sở Tư pháp        | <p>- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng thì được Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động, mức phí: 500.000đ;</p> <p>- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động khác thì Sở Tư pháp ghi nhận nội dung</p> | <p>- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng, phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên,</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|--|--|
|    |                        |                     |                    |                   | thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, mức phí: 0đ. | được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC;<br>- Quyết định số 160/QĐ-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,**  
**BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|---|--|---|--|
| 1  | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | - Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp<br>- Cơ quan/Người i có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố | Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Phá sản ngày 19/6/2014;<br>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về nghề quản lý, thanh lý tài sản;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|---|--|---|--|
|    |  |  |   |  |   | nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;<br>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản tài viên thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. |
| 2  | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | - Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp<br>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố | Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Phá sản ngày 19/6/2014;<br>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh  |

| TT | Tên thủ tục hành chính                         | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---------------------|--------------------|-------------------|--------------|--|
|    | ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán |                     |                    |                   |              | <p> vực hỗ trợ tư pháp;<br/> - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br/> - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;<br/> - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br/> - Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản tài viên thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. </p> |
| 3  | Cấp lại  | Trong thời          | - Trung            | - Cơ quan         | Phí: 800.000 | - Luật Phá sản ngày  |

| TT | Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết                                   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|-----------------------------------|---|---|---|--|--|
|    | chứng chỉ hành nghề Quản tài viên | hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | giải quyết: Sở Tư pháp - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố | đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. | 19/6/2014;<br>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản lý, thanh lý tài sản;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;<br>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|---|-------------------|--|---|
|    |   |  |   |                   |  | Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản tài viên thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.   |
| 4  | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <sup>2</sup> . | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Phí: 500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Luật Phá sản ngày 19/6/2014;<br>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện |

<sup>2</sup> Thời gian cắt giảm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt phương án cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|---|-------------------|--|---|
|    |  |  |   |                   |  | <p>hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản tài viên thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 5  | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <sup>3</sup> . | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Phí: 500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Luật Phá sản ngày 19/6/2014;<br>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh   |

<sup>3</sup> Thời gian cắt giảm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt phương án cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        |                     |                    |                   |             | <p>vực hỗ trợ tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;</li><li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</li><li>- Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản tài viên thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li></ul> |

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC LUẬT SƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|---|---|---|--|
| 1  | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br><br>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | - Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp.<br><br>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố | Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.<br><br>Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br><br>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;<br><br>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;<br><br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        | <p>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |                    |                   |             | <p>lý của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;</li> <li>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</li> <li>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|--|---|--|---|
| 2  | <p>Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư</p> | <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | <p>- Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp</p> <p>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</p> | <p>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).</p> | <p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</p> <p>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        | <p>hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |                    |                   |             | <p>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|--|---|--|---|
|    |   |   |  |   |  | của Bộ Tư pháp.   |
| 3  | <p>Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư</p> | <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | <p>- Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp</p> <p>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</p> | <p>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).</p> | <p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</p> <p>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|--|---|--|---|
|    |  | <p>từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |  |   |  | <p>động luật sư;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 4  | <p>Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong hợp bị mất, bị rách, bị</p> | <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành</p>   | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br/>- Trung tâm Phục</p> | <p>- Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp<br/>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban</p> | <p>Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.<br/>Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ</p> | <p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br/>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP</p>   |

| TT | Tên thủ tục hành chính                    | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                | Cơ quan thực hiện         | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|-----------------------------------|---------------------------|---|---|
|    | <p>cháy hoặc vì lý do khác không có ý</p> | <p>xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu 220/2016/TT-BTC trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Trong thời hạn</p> | <p>vụ hành chính công cấp xã.</p> | <p>nhân dân Thành phố</p> | <p>kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).</p> | <p>ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;</p> <p>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|---|--|--------------|---|
|    |  | <p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |   |  |              | <p>Luật Luật sư;<br/>                     - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;<br/>                     - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br/>                     - Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 5  | <p>Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài</p> | <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br/>                     Trong thời hạn</p>                                       | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br/>                     - Trung tâm Phục</p> | <p>- Cơ quan giải quyết: Sở Tư pháp<br/>                     - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban</p> | <p>Không</p> | <p>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br/>                     - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực</p>   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện         | Cơ quan thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|--|----------------------------|--------------------|-------------|--|
|    |                        | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | vụ hành chính công cấp xã. | nhân dân Thành phố |             | <p>quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính                          | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|---|-------------------|---|--|
|    |   |   |   |                   |   | chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 6  | Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. <sup>4</sup> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 25.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Tổ chức hành nghề luật sư bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.<br>Tổ chức hành nghề luật sư thực hiện đăng ký hoạt động qua mạng điện | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư |

<sup>4</sup> Thời gian cắt giảm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt phương án cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

| TT | Tên thủ tục hành chính              | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện             | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|-------------------------------------|--|--------------------------------|-------------------|--|--|
|    |                                     |  |                                |                   | từ được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. | pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. |
| 7  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động | Không quy định (Đề xuất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ | - Trung tâm Phục vụ hành chính | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ (áp dụng                                   | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Thông tư số  |

| TT | Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|-------------------------------|---|--|-------------------|---|---|
|    | của tổ chức hành nghề luật sư | Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do) <sup>5</sup> | công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. |                   | mức phí 25.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Tổ chức hành nghề luật sư bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.<br>mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. | 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài sung, thay chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho |

<sup>5</sup> Đề xuất theo Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 về việc phê chuẩn quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp..

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|-------------------|---|---|
|    |   |   |   |                   |   | doanh nghiệp, người dân;<br>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 8  | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 25.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Tổ chức hành nghề luật sư bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.<br>Tổ chức | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|---|---|
|    |                        |                     |                    |                   | <p>hành nghề luật sư thực hiện đăng ký hoạt động qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.</p> | <p>05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Quyết định số</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|---|-------------------|--|---|
|    |   |  |   |                   |  | 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 9  | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 25.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Tổ chức hành nghề luật sư bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.<br>Tổ chức hành nghề luật sư thực hiện đăng | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|--|--|
|    |                        |                     |                    |                   | <p>ký hoạt động qua mạng được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.</p> | <p>pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</li> <li>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|---|-------------------|---|---|
|    |   |  |   |                   |   | về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 10 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 25.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).<br>Tổ chức hành nghề luật sư bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.<br>Tổ chức hành nghề luật sư thực hiện đăng ký hoạt động qua mạng điện | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|---|---|
|    |                        |                     |                    |                   | <p>từ được miễn lệ phí đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.</p> | <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|---|-------------------|---|---|
| 11 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài <sup>6</sup> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Phí:<br>2.000.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 1.000.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;<br>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. |
| 12 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động                 | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,  | - Trung tâm Phục vụ hành chính  | Sở Tư pháp        | Phí:<br>1.000.000 đồng/hồ sơ (áp dụng   | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi,  |

<sup>6</sup> Thời gian cắt giảm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt phương án cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

| TT | Tên thủ tục hành chính                      | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|-------------------|---|--|
|    | động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. |                   | mức phí 500.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.<br>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện       | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---|--------------------------|-------------------|-------------|---|
|    |                        |   |                          |                   |             | <p>ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 13 | Hợp nhất công ty luật  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận | - Trung tâm Phục vụ hành | Sở Tư pháp        | Không       | - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---|--|-------------------|-------------|---|
|    |                        | đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. |                   |             | <p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|--|---|-------------------|-------------|---|
|    |                        |  |   |                   |             | <p>lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| 14 | Sáp nhập công ty luật  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</li> <li>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của</li> </ul>   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        |                     |                    |                   |             | <p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|--|-------------------|-------------|---|
|    |  |  |  |                   |             | 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 15 | <p>Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyên đổi văn phòng luật sư thành công ty luật</p> | <p>- Đối với chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyên đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyên đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | Sở Tư pháp        | Không       | <p>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                        | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|---|-------------------|--|---|
|    |  | và nêu rõ lý do.  |   |                   |  | <p>sur, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 16 | Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện cấp Giấy | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành | Sở Tư pháp        | Lệ phí: 50.000 đồng (áp dụng mức phí 25.000 đồng/hồ sơ | - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi  |

| TT | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết                                     | Địa điểm thực hiện                             | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--------------------------------|---|--|-------------------|--|---|
|    | đổi từ công ty luật nước ngoài | đăng ký hoạt động cho công ty luật Việt Nam chuyên đổi. | phố. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. |                   | kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | hành Luật Luật sư;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.<br>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.<br>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.<br>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|---|-------------------|--|--|
|    |  |   |   |                   |  | nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.<br>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.   |
| 17 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Phí: 600.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 300.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        |                     |                    |                   |             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;</li><li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</li><li>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li><li>- Quyết định số</li></ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|-------------------|---|---|
|    |   |   |   |                   |   | 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 18 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Phí:<br>2.000.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 1.000.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). | - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;<br>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;<br>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------|--|
|    |                        |                     |                    |                   |             | <p>liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</li><li>- Quyết định số 517/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực luật sư thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li></ul> |

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| TT | Tên thủ tục hành chính                           | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|---|-------------------|-------------|--|
| 1  | Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Sở Tư pháp        | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật;</li> <li>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|---|-------------------|-------------|--|
|    |  |   |   |                   |             | <p>09/2/2010 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Quyết định số 516/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |
| 2  | Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành</p> | Sở Tư pháp        | Không       | <p>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật;</p> <p>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của</p>   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------|---|
|    |                        |                     | chính công cấp xã. |                   |             | <p>Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;</p> <p>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Quyết định số 516/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|---|-------------------|-------------|--|
|    |   |   |   |                   |             | được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 3  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Sở Tư pháp        | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|-----------------------------------|---|---|-------------------|-------------|---|
|    |                                   |   |   |                   |             | pháp;<br>- Quyết định số 516/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.  |
| 4  | Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Sở Tư pháp        | Không       | - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật;<br>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;<br>- Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;<br>- Quyết định số 516/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. |
| 5  | Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp   | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành   | Sở Tư pháp        | Không       | Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                                  | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---|---|-------------------|-------------|--|
|    |                        | lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật cho người có yêu cầu. | phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. |                   |             | <p>Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;</p> <p>- Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;</p> <p>- Quyết định số 516/QĐ-BTP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> |